

Số: 2479/NHCS-TDSV

*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2009*

## **HƯỚNG DẪN**

**Thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn**

Để triển khai thực hiện Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định này như sau:

### **I. MỘT SỐ NỘI DUNG ĐƯỢC HIỆU VÀ THỰC HIỆN THỐNG NHẤT TRONG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN**

#### **1. Thương nhân hoạt động thương mại**

Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

##### **1.1. Thương nhân là tổ chức kinh tế bao gồm:**

Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Hợp tác xã có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

##### **1.2. Thương nhân là cá nhân bao gồm:**

- Thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế;

- Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

#### **2. Đối tượng vay vốn**

- Là thương nhân (sau đây gọi tắt là người vay) hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn. Vùng khó khăn bao gồm các xã, phường, thị trấn được quy định tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

- Thương nhân hoạt động thương mại tại các xã thành lập sau khi Quyết định 30/2007/QĐ-TTg có hiệu lực, trên cơ sở chia tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

### **3. Điều kiện được vay vốn**

Để được vay vốn người vay phải hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn và đáp ứng các điều kiện sau:

#### **3.1. Đối với thương nhân là cá nhân:**

Phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được UBND cấp xã nơi thương nhân hoạt động thương mại xác nhận có hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn.

#### **3.2. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế:**

Phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được UBND cấp xã xác nhận là nơi thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động.

3.3. Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn vay cho hoạt động thương mại tại địa bàn vùng khó khăn.

3.4. Đối với thương nhân vay vốn trên 30 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo hướng dẫn của NHCSXH.

### **4. Vốn tự có bao gồm**

4.1. Giá trị vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi...

4.2. Giá trị quyền sử dụng đất mà người vay nắm giữ (xác định theo khung giá đất của địa phương có tham khảo giá thị trường). Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê đất còn được sử dụng.

4.3. Giá trị tài sản trên đất (xác định theo giá thị trường), trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê tài sản còn được sử dụng.

4.4. Giá trị ngày công lao động mà người vay tham gia phương án sản xuất.

4.5. Việt Nam đồng, ngoại tệ, dư có các tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tài chính khác, giá trị các chứng chỉ có giá khác.

### **5. Thời hạn cho vay, gia hạn nợ, phân kỳ hạn trả nợ, trả lãi**

#### **5.1 Thời hạn cho vay:**

a. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

b. Cho vay trung hạn và dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng nhưng tối đa không quá 5 năm.

Nhưng thời hạn cho vay tối đa không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Giấy phép hoạt động (nếu có).

#### 5.2. Thời hạn gia hạn nợ:

a. Đối với cho vay ngắn hạn thời hạn cho gia hạn nợ tối đa là 12 tháng.

b. Đối với cho vay trung và dài hạn thời hạn cho gia hạn nợ tối đa bằng  $\frac{1}{2}$  thời hạn đã cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng.

#### 5.3. Phân kỳ hạn trả nợ:

- Đối với các khoản vay ngắn hạn và cho vay theo hạn mức không phải phân kỳ hạn trả nợ.

- Đối với các khoản cho vay trung và dài hạn áp dụng loại cho vay từng lần phải phân kỳ hạn nợ, mỗi kỳ hạn nợ là 6 tháng hoặc 1 năm/lần.

#### 5.4. Trả lãi tiền vay:

- Lãi tiền vay được trả theo định kỳ hàng tháng.

### 6. Loại cho vay

- Cho vay từng lần: là loại cho vay mỗi lần vay vốn người vay và NHCSXH nơi cho vay thực hiện thủ tục vay vốn theo quy định và ký hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn).

- Cho vay theo hạn mức tín dụng: là loại cho vay NHCSXH nơi cho vay và người vay thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì một khoảng thời gian nhất định (áp dụng đối với thương nhân là tổ chức kinh tế). Việc xác định hạn mức tín dụng căn cứ vào tổng giá trị hàng hóa luân chuyển trong kỳ trừ (-) vốn tự có của tổ chức kinh tế. Nhưng hạn mức tín dụng tối đa không quá 500 triệu đồng.

### 7. Mức cho vay

7.1. Đối với người vay là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế: mức cho vay tối đa là 30 triệu đồng.

7.2. Đối với người vay là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật: mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng.

7.3. Đối với người vay là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp: mức cho vay tối đa là 500 triệu đồng.

### 8. Phương thức cho vay

8.1. Đối với thương nhân là cá nhân, NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp đến người vay thông qua phương thức uỷ thác từng phần qua các tổ chức

chính trị-xã hội như cơ chế uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Đối với những nơi đã có Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) hoạt động thì Tổ trưởng Tổ TK&VV tổ chức kết nạp người vay vào Tổ để họ có đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng.

Đối với những nơi chưa có Tổ TK&VV thì Ngân hàng nơi cho vay thoả thuận với các tổ chức chính trị-xã hội ở địa phương chỉ đạo thành lập Tổ TK&VV tạo điều kiện cho người vay làm thủ tục vay vốn Ngân hàng.

8.2. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại Hội sở Ngân hàng cấp tỉnh, cấp huyện.

### **9. Bảo đảm tiền vay**

9.1. Mức cho vay đến 30 triệu đồng, thì người vay không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

9.2. Mức cho vay trên 30 triệu đồng đến 500 triệu đồng người vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.

## **II. THỦ TỤC VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHO VAY**

### **1. Đối với thương nhân là cá nhân**

#### **1.1. Hồ sơ cho vay**

✓ 1.1.1. Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc công chứng);

- Thông báo nộp thuế khoán của cơ quan Thuế kỳ trước liền kề (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc công chứng);

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD);

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD);

- Sổ vay vốn.

1.1.2. Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc công chứng);

- Tờ khai thuế hoặc Quyết toán thuế (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc công chứng);

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD);

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD);
- Sổ vay vốn.
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay đối với trường hợp người vay vay trên 30 triệu đồng.

## 1.2. Quy trình cho vay

a. Người vay viết Giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay kèm bản sao các loại hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Thông báo nộp thuế hoặc tờ khai nộp thuế (quyết toán thuế) gửi Tổ TK&VV.

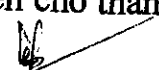
b. Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành tổ chức họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn theo qui định của NHCSXH, đối chiếu với đối tượng vay vốn đúng với chính sách của Chính phủ. Nếu hồ sơ vay vốn chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm theo các giấy tờ quy định tại tiết a điểm 1.2 văn bản này trình UBND cấp xã xác nhận.

c. Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), Tổ trưởng Tổ TK&VV nộp bộ hồ sơ đến NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt.

d. Nhận được hồ sơ cho vay do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng Tín dụng; Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng Tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã và hướng dẫn người vay lập Sổ vay vốn. Đối với trường hợp người vay vay trên 30 triệu đồng, cán bộ tín dụng được phân công hướng dẫn người vay lập hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định.

e. UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác) để tổ chức chính trị xã hội cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục nhận tiền vay.

## 1.3. Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi

Việc tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo, người vay trực tiếp nhận tiền vay tại nơi quy định. Trường hợp người vay không trực tiếp nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền vay nhưng phải có xác nhận của UBND xã. 

Mỗi lần giải ngân, thu nợ, thu lãi kế toán ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định.

#### **1.4. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay**

##### **a. Tổ TK&VV**

- Tổ TK&VV có nhiệm vụ kiểm tra điều kiện vay vốn của người vay khi nhận Giấy đề nghị vay vốn từ người vay để xác định đúng đối tượng được vay.

- Thường xuyên làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đôn đốc người vay trong Tổ TK&VV sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng kỳ hạn cam kết; chứng kiến và kiểm tra các buổi giải ngân cho vay, thu nợ, thu lãi.

- Cùng với các tổ chức chính trị-xã hội và cán bộ NHCSXH bàn bạc thống nhất ý kiến xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ bị rủi ro trình UBND cấp xã đề nghị xử lý.

##### **b. Tổ chức chính trị-xã hội cấp xã**

- Chỉ đạo và tham gia cùng Tổ TK&VV tổ chức họp Tổ để bình xét công khai người vay có nhu cầu vay vốn và đủ điều kiện vay đưa vào Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).


- Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của người vay theo hình thức đối chiếu công khai (mẫu số 06/TD) và thông báo kịp thời cho Ngân hàng nơi cho vay về các trường hợp sử dụng sai mục đích, vay ké, bỏ trốn, chết, mất tích, bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn...) để có biện pháp xử lý kịp thời. Phối hợp cùng NHCSXH và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn và hướng dẫn người vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

- Chỉ đạo và giám sát Ban quản lý Tổ TK&VV trong việc thực hiện Hợp đồng uỷ nhiệm đã ký với NHCSXH.

##### **c. NHCSXH nơi cho vay:**

- Thực hiện kiểm tra đối chiếu Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) với Danh sách thành viên Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD). Kiểm tra tính pháp lý của bộ hồ sơ vay vốn theo quy định.

- Định kỳ hoặc đột xuất, lãnh đạo NHCSXH mời các thành viên trong Ban đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổ TK&VV, của người vay và của tổ chức Hội cấp dưới trong việc chấp hành chính sách tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn của người vay.

- Tham gia xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ bị xâm tiêu, lập hồ sơ đối với các khoản nợ bị rủi ro (nếu có)... 

## **2. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế**

### **2.1. Hồ sơ cho vay**

Bao gồm 3 loại hồ sơ sau: Hồ sơ pháp lý; Hồ sơ kinh tế; Hồ sơ vay vốn.

#### **a. Hồ sơ pháp lý:**

Tùy theo loại hình tổ chức kinh tế người vay gửi cho Ngân hàng các giấy tờ (bản sao có công chứng) sau:

- Điều lệ Doanh nghiệp, Điều lệ Hợp tác xã (trừ Doanh nghiệp tư nhân);
- Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng;
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động;
- Giấy phép hành nghề đối với các trường hợp hoạt động thương mại phải có giấy phép hành nghề (ví dụ: Kinh doanh Dược phẩm);
- Biên bản góp vốn, danh sách thành viên sáng lập (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh);
- Các giấy tờ về đăng ký mẫu dấu, chữ ký và mở tài khoản;
- Số lượng xã viên, danh sách Ban quản trị, Ban kiểm soát (đối với Hợp tác xã);
- Biên bản đã thông qua tại Hội nghị thành lập hợp tác xã (đối với Hợp tác xã).


#### **b. Hồ sơ kinh tế:**

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ;
- Báo cáo tài chính và kết quả thực hiện kinh doanh kỳ trước liền kề.

#### **c. Hồ sơ vay vốn:**

- Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/DNV&N);
- Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (do người vay tự lập);
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định;
- Phiếu thẩm định, tái thẩm định (mẫu số 02/DNV&N);
- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD);
- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 03/DNV&N);
- Biên bản kiểm tra sau khi cho vay (Mẫu số 06/DNV&N);

### **2.2. Quy trình cho vay**

a. Người vay có nhu cầu vay vốn viết Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/DNV&N) có xác nhận của UBND cấp xã. Sau đó người vay nộp trực tiếp hồ sơ cho vay về NHCSXH nơi cho vay. 

b. NHCSXH nơi cho vay sau khi nhận được Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/DNV&N) và các hồ sơ theo quy định tại tiết a, b điểm 2.1 mục 2 phần II văn bản này cán bộ tín dụng tiến hành thẩm định theo mẫu số 02/DNV&N.

c. Căn cứ vào kết quả thẩm định của cán bộ tín dụng, Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng Tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hoặc thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.

d. Nếu được phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng được phân công hướng dẫn người vay lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định. Trường hợp không được vay, thì lập thông báo theo mẫu số 04/TD gửi người vay.

e. Sau khi hoàn thành thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định, người vay cùng NHCSXH lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 03/DNV&N). Người vay được lựa chọn và thỏa thuận với Ngân hàng áp dụng 1 trong 2 hình thức cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức tín dụng.

### **2.3. Giải ngân**

Đối với đối tượng người vay là tổ chức kinh tế phải mở tài khoản tiền gửi tại NHCSXH nơi cho vay, để thực hiện các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và trả nợ Ngân hàng.

Người vay trực tiếp đến nhận tiền vay tại Ngân hàng. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên khác bằng văn bản có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.


Trường hợp giải ngân đối với cho vay từng lần: Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

Trường hợp giải ngân cho vay theo hạn mức: Mỗi lần nhận tiền vay người vay viết Giấy nhận nợ, tổng số tiền nhận nợ lần này cộng (+) dư nợ không được vượt quá hạn mức tối đa đã được phê duyệt. Ngân hàng trực tiếp giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

### **2.4. Thu nợ, thu lãi tiền vay**

Thu nợ gốc được thực hiện trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay. Người vay nếu áp dụng loại cho vay theo hạn mức có thể trả nợ trực tiếp vào tài khoản tiền vay hoặc trích từ tài khoản tiền gửi để trả nợ hàng ngày hoặc theo chu kỳ kinh doanh thương mại.

Việc thu lãi được thực hiện theo tháng tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

Mỗi lần thu nợ, thu lãi, kế toán NHCSXH nơi cho vay lập phiếu thu tiền, căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi vào hồ sơ cho vay vốn lưu tại NHCSXH và hồ sơ người vay giữ theo đúng quy định. 



## **2.5. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay**

### **2.5.1. Nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay**

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của người vay, nhằm đôn đốc người vay thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, nội dung kiểm tra như sau:

*a. Kiểm tra trước khi cho vay:* Là việc thẩm định, tái thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

*b. Kiểm tra trong khi cho vay:* Là việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ cho vay và các yếu tố chứng từ; sự khớp đúng giữa Chứng minh thư nhân dân và người vay, giữa người nhận tiền và người có tên trên Giấy đề nghị vay vốn...

*c. Kiểm tra sau khi cho vay:*

- Kiểm tra sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay với hồ sơ bảo đảm tiền vay (mẫu số 06/DNV&N).

*d. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra sau khi cho vay để theo dõi và quản lý (mẫu số 06/DNV&N).*

### **2.5.2. Xử lý vốn vay**

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển nợ quá hạn và xử lý như sau:

*a. Tạm ngừng cho vay:* trong các trường hợp người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, cung cấp thông tin sai sự thật.

*b. Chấm dứt cho vay:* trong các trường hợp người vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã cam kết nhưng không khắc phục, sửa chữa; người vay ngừng sản xuất có thể dẫn đến phá sản; quá trình tổ chức lại sản xuất không xác định được người chịu trách nhiệm chính trước pháp luật về quan hệ vay vốn và trả nợ ngân hàng.

*c. Khởi kiện trước pháp luật:*

- Người vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;
- Người vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng;
- Người vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ ngân hàng theo thoả thuận;

- Người vay có hành vi lừa đảo, gian lận;
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

### **3. Thủ tục bảo đảm tiền vay**

Thủ tục bảo đảm tiền vay theo thực hiện theo hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH tại văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn thực hiện các biện pháp Bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

### **4. Xử lý nợ đến hạn**

a. Đến hạn trả nợ, người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH.

b. Điều chỉnh kỳ hạn nợ:

- Đối với khoản vay trung, dài hạn mức vay dưới 30 triệu đồng trường hợp người vay gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn).

- Đối với khoản vay trung và dài hạn mức vay từ trên 30 triệu đồng đến 500 triệu đồng, trường hợp người vay chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã cam kết thì trước 05 ngày phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (mẫu số 08/DNV&N đối với tổ chức kinh tế, mẫu số 08/TD đối với người vay là cá nhân) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ tiếp theo.

c. Gia hạn nợ: Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng của thời hạn vay, người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/DNV&N đối với tổ chức kinh tế, mẫu số 09/TD đối với người vay là cá nhân) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

### **5. Chuyển nợ quá hạn**

- Đến kỳ hạn trả nợ đối với người vay trên 30 triệu đồng, nếu không được ngân hàng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ thì chuyển số tiền đến hạn của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ, NHCSXH không chấp thuận cho gia hạn nợ thì chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Các trường hợp người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ số dư nợ gốc.

Khi thực hiện chuyển nợ quá hạn NHCSXH nơi cho vay thông báo đến người vay việc chuyển nợ quá hạn (mẫu số 05/DNV&N đối với tổ chức kinh tế, mẫu số 14/TD đối với người vay là cá nhân).

## **6. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan**

Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy chế xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

## **7. Lưu trữ hồ sơ cho vay**

NHCSXH phải lưu giữ bộ hồ sơ cho vay theo quy định, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Người được giao bảo quản hồ sơ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để mất, thất lạc hoặc sửa chữa nội dung của hồ sơ.

7.1. Bộ phận tín dụng lưu giữ: hồ sơ kinh tế của người vay.

7.2. Bộ phận kế toán lưu giữ: hồ sơ pháp lý, hồ sơ vay vốn và các loại giấy tờ khác của người vay. Các giấy tờ về bảo đảm tiền vay của người vay được lưu giữ theo quy định của NHCSXH.

Đối với hồ sơ do kế toán lưu giữ, bộ phận tín dụng và các bộ phận khác cần sử dụng được sao chụp theo bản gốc khi có lệnh của Giám đốc hoặc người được ủy quyền.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Công tác kế hoạch**

Hàng năm, ngân hàng cơ sở lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn gửi ngân hàng cấp trên trực tiếp theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

### **2. Hạch toán kế toán**

Việc hạch toán về Tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn được hạch toán theo dõi theo quy định của NHCSXH.

### **3. Chế độ báo cáo thống kê**

Định kỳ vào ngày 07 hàng tháng, chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố lập và gửi báo cáo theo mẫu số 02.10/BCTDSV - TNVKK đính kèm văn bản này và bổ sung cột 29 và 30 trên Báo cáo Phân loại dư nợ ủy thác (Mẫu 05/BCTD) về Hội sở chính NHCSXH.

4. NHCSXH tại các địa phương có các xã thuộc vùng khó khăn theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg có trách nhiệm báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, cấp huyện để triển khai thực hiện Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và nội dung hướng dẫn của Tổng giám đốc tại văn bản này.

5. Tổ chức triển khai phổ biến nội dung Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị-xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã để triển khai chương trình cho vay đúng quy định.

6. Tham mưu cho UBND các cấp, các tổ chức chính trị-xã hội nhận ủy thác tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách cho vay vốn đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg.

7. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo nội dung Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo về Hội sở chính NHCSXH để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
  - Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
  - Các thành viên HĐQT NHCSXH;
  - Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
  - Trưởng BGD HĐQT NHCSXH các cấp;
  - Hội LHPN VN;
  - Hội ND VN;
  - TW Đoàn TNCS HCM;
  - Hội CCB VN;
  - Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc;
  - Trưởng Ban Kiểm soát;
  - Kế toán trưởng NHCSXH;
  - Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
  - Các phòng, Ban tại Hội sở chính;
  - Trung tâm đào tạo;
  - Trung tâm CNTT;
  - Các PGD NHCSXH cấp huyện có các xã thuộc vùng khó khăn theo QĐ số 30/2007/QĐ-TTg;
  - Website NHCSXH;
  - Lưu VT, phòng TDSV.
- để báo cáo
- để phối hợp thực hiện
- để thực hiện



**Hà Thị Hạnh**

MẪU SỐ: 01/DNV&N  
(Do khách hàng lập)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

**Kính gửi:** Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Quyết định thành lập số: ..... ngày: ..../..../..... Do: ..... quyết định.

Đăng ký kinh doanh số:.....ngày:..../..../..... Do.....

Họ, tên Người đại diện:.....

Quyết định bổ nhiệm, số ... ngày ..../...../..... Do .....

Quyết định hoặc giấy ủy quyền, số. ... ngày ..../...../..... Do ..... ủy quyền.

Tài khoản tiền gửi số:.....tại .....

Tài khoản tiền vay số: .....tại .....

Tổng nhu cầu vốn để thực hiện phương án: .....đ.

Vốn tự có tham gia vào dự án (phương án) xin vay: .....đ.

Nhu cầu vay, số tiền: .....đ.

(bằng chữ:.....)

**ĐỐI TƯỢNG VẬT TƯ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH CẦN VAY VỐN**

STT	Đối tượng	Số lượng	Thành tiền

Thời hạn xin vay: ..... tháng.

Lãi suất xin vay: .....%/tháng.

Hình thức bảo đảm tiền vay: .....

S TT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng	Giấy tờ về tài sản	Đặc điểm kỹ thuật	Giá trị

*Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả; trả nợ vay gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.*

Đề nghị Ngân hàng xem xét giải quyết cho vay.

**Xác nhận của**

**Ủy ban nhân dân cấp xã**

Về việc tổ chức kinh tế có hoạt động  
thường xuyên trên địa bàn.

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 200 ...

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chi nhánh .....

....., ngày..... tháng ..... năm 200..

**PHIẾU THẨM ĐỊNH, TÁI THẨM ĐỊNH  
(Dùng trong cho vay Doanh nghiệp vừa và nhỏ- Dự án KFW)**

**I. THÔNG TIN CƠ BẢN:**

- 1.1. Tên doanh nghiệp:.....
- 1.2. Địa chỉ doanh nghiệp (Trụ sở giao dịch).....Điện thoại.....
- 1.3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh: .....
- 1.4. Tài khoản tiền gửi số:..... tại Ngân hàng .....
- 1.5. Tài khoản tiền vay số:.....tại Ngân hàng .....
- 1.6. Họ và tên người đại diện.....Ngày, tháng, năm sinh:.....  
Chức vụ: .....Số chứng minh thư:.....
- 1.7. Quyết định thành lập số : .....
- 1.8. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số : .....
- 1.9. Giấy phép kinh doanh/hoạt động/hành nghề số : (đối với ngành nghề phải có Giấy phép) .....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm).....
- 1.10. Mã số thuế: .....
- 1.11. Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng: .....
- 1.12. Hình thức bảo đảm tiền vay, trị giá: (có chấp thuận của Hội đồng quản trị - đối với công ty cổ phần).....

**II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH**

**2.1. Lịch sử phát triển:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2.2. Năng lực của người điều hành:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### 2.3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh:

### 2.4. Đối tác giao dịch chủ yếu

#### 2.4.1. Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỉ trọng giao dịch	Phương thức thanh toán	
			Tỉ lệ mua chịu	Số ngày mua chịu
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----

Ước tính số ngày mua chịu: .....ngày

#### 2.4.2. Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỉ trọng giao dịch	Phương thức thanh toán	
			Tỉ lệ bán chịu	Số ngày bán chịu
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----
-----	-----	-----	-----	-----

Ước tính số ngày bán chịu: .....ngày

### 2.5. Điều tra thực địa:

### III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

#### 3.1. Bảng tính toán lãi lỗ

(Đơn vị: triệu đồng)

Stt	Chi tiêu	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Doanh thu tháng				
3	Chi phí NVL				
4	Tỷ lệ CPNVL/Doanh thu				
5	Bình quân tháng CP NVL				
6	Chi phí nhân công				
7	Các chi phí khác				
8	Thuế TNDN				
9	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá :

.....

.....

.....

.....

#### 3.2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ

(Đơn vị: triệu đồng)

Stt	Hạng mục	Năm	Tài liệu xác nhận	Năm	Tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét , đánh giá :



3.3. Phân tích hiện quả sử dụng vốn dự kiến và dự báo chi thu tiền mặt sau khi vay vốn

(đơn vị: triệu đồng)

Stt	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo dự án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Doanh thu				
2	Chi phí nguyên vật liệu				
3	Chi phí nhân công				
4	Các chi phí khác				
5	Trả tiền vay(gốc + lãi)				
6	Thuế TNDN				
7	Chênh lệch thực thu-thực chi				

\* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm dự án  
 Nhận xét, đánh giá :

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

**IV. Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ TÍN DỤNG:** (Đánh giá chung về khả năng kinh doanh, khả năng hoàn trả, tính khả thi của dự án )

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Kiến nghị:**

- Đề nghị duyệt cho vay/không duyệt cho vay:.....

Lý do: .....

- Phương thức cho vay : .....

- Phương thức trả nợ : .....

- Số tiền cho vay: .....

- Thời hạn cho vay : .....

- Lãi suất:.....
- Kiến nghị khác : .....

**Cán bộ tín dụng**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**V. Ý KIẾN CỦA TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH NGHIỆP VỤ (TỔ TRƯỞNG TỔ TD):**

**5.1. Nhận xét về các nội dung thẩm định :**

.....  
.....

**5.2. Đề xuất duyệt cho vay/không duyệt cho vay:**

- Lý do:.....
- Số tiền cho vay: .....
  - Thời hạn cho vay: .....
  - Lãi suất: .....

Ngày . . . tháng . . . năm 200 . .  
**Trưởng phòng tín dụng**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC:**

- Không cho vay/duyệt cho vay:.....
- Số tiền cho vay: .....
- Thời hạn cho vay: .....
- Lãi suất: .....

Ngày . . . tháng . . . năm 20...  
**Giám đốc chi nhánh**  
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**(Ghi chú: Mẫu này hướng dẫn nội dung lập báo cáo thẩm định, không phải là mẫu in sẵn để cán bộ điền các nội dung)**

**Ký hiệu tài liệu xác nhận :**

A :Báo cáo tài chính	D: Phòng văn
B: Sổ kế toán	E: Số liệu điều tra khác /Nguồn ngoài doanh nghiệp
C: Ghi chép của doanh nghiệp	F: Quan sát trực quan của cán bộ thẩm định / ước tính

*lv*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Số: ..... /HĐTĐ

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Căn cứ Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Tổng Giám đốc NHCSXH tại văn bản số ...../NHCS- ..... ngày .....

- Căn cứ hồ sơ vay vốn của .....  
và kết quả thẩm định của NH.....

Hôm nay, ngày .....tháng .....năm 200... tại.....

Chúng tôi gồm:

**Bên cho vay (Bên A):**

Chi nhánh Ngân hàng:.....

Địa chỉ: .....

Người đại diện là ông (bà): .....

Chức vụ:.....

Giấy ủy quyền số (nếu có): ..... do ông (bà) ..... ủy quyền.

**Bên vay (Bên B):**

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ: .....

Người đại diện là ông (bà): ..... Chức vụ:.....

CMND số: ..... ngày cấp: ..... nơi cấp: .....

Giấy ủy quyền số (nếu có): ..... do ông (bà) ..... ủy quyền.

*Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng tín dụng theo các nội dung thỏa thuận dưới đây:*

**Điều 1. Phương thức cho vay, số tiền cho vay, mục đích sử dụng tiền vay**

Phương thức cho vay: .....

Mức dư nợ cao nhất: .....

Số tiền cho vay bằng số: .....

Bảng chữ: .....

(Số tiền cho vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này).

Mục đích sử dụng tiền vay:.....

## **Điều 2. Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay là: .....%/ tháng.
- Phương pháp trả lãi tiền vay:
  - + Theo định kỳ: tháng/1 lần vào ngày.....
  - + Hoặc trả lãi tiền vay cùng với kỳ trả nợ gốc.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng .....%/tháng.

## **Điều 3. Thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ**

Thời hạn cho vay: ..... tháng.

Hạn trả cuối cùng: .....

Ngày nhận tiền vay lần đầu là: .....

Kế hoạch phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ (thực hiện theo phụ lục kèm theo).

Trường hợp bên B rút tiền vay nhiều lần thì mỗi lần nhận tiền vay bên B lập một giấy nhận nợ gửi bên A.

## **Điều 4. Hình thức bảo đảm tiền vay:** .....

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

### **5.1 Bên A có quyền:**

- a. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên B;
- b. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng;
- c. Khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh theo quy định của pháp luật;
- d. Khi đến hạn trả nợ mà Bên B không trả nợ, nếu các bên không có thoả thuận khác thì Bên A có quyền bán tài sản bảo đảm tiền vay theo sự thoả thuận trong hợp đồng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp Bên B được bảo lãnh vay vốn.
- e. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo quy định của NHCSXH.

### **5.2 Bên A có nghĩa vụ:**

- a. Thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- b. Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của Tổng giám đốc NHCSXH tại Công văn số..... ngày..... tháng..... năm.....

## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**6.1 Bên B có quyền:**

- a. Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- b. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật;
- c. Có quyền trả nợ trước hạn ghi trên hợp đồng tín dụng.

**6.2 Bên B có nghĩa vụ:**

- a. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b. Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- c. Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;
- d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

**Điều 7. Một số thỏa thuận khác**

.....  
.....

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng hợp đồng**

Khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung điều khoản nào của hợp đồng này thì gửi đề xuất tới bên kia bằng văn bản. Nếu bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký bổ sung điều khoản thay đổi đó trong một thỏa thuận bằng văn bản đi liền với hợp đồng này.

Trường hợp chuyển nhượng hợp đồng tín dụng này phải được hai bên cùng thoả thuận theo quy định về mua, bán nợ của NHNN. Các điều khoản khác của hợp đồng này không thay đổi.

**Điều 9. Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa kinh tế.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, các bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi Bên B hoàn trả xong cả gốc và lãi.

**Đại diện bên A**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Đại diện bên B**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*(Trường hợp khách hàng là công ty hợp danh phải có chữ ký của từng thành viên hợp danh)*

(Mặt trước)

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Kèm theo Hợp đồng tín dụng số ...../HĐTD ngày ... tháng ... năm 20....

### 1. Theo dõi phát tiền vay và kế hoạch trả nợ:

PHÁT TIỀN VAY				PHẦN KỲ TRẢ NỢ		CHỦ KỲ	
Ngày, tháng, năm	Đối tượng cho vay	Số tiền vay	Lãi suất cho vay	Ngày, tháng, năm	Số tiền gốc	Kế toán cho vay	Người vay

### 2. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ gốc:

NGÀY, THÁNG, NĂM	GIA HẠN NỢ GỐC		ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ GỐC	
	Số tiền	Đến ngày... tháng...	Số tiền	Đến ngày... tháng... năm.....

3. Theo dõi thu nợ, chuyển nợ quá hạn, dư nợ:

(Mặt sau)

NGÀY, THÁNG, NĂM	THU NỢ TRONG HẠN		CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	THU NỢ QUÁ HẠN		DƯ NỢ		CHỨ KÝ	
	Gốc	Lãi		Gốc	Lãi	Tổng số	Trở: NQH	Kế toán cho vay	Người trả

8

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200 ...

**GIẤY NHẬN NỢ**

(Dùng trong trường hợp hợp đồng tín dụng được phát tiền vay từ 2 lần trở lên)

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 20... đã ký giữa chi nhánh NH..... và .....

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 20..... tại .....

Họ và tên người vay: .....

Họ và tên người được ủy quyền:.....;

Chức vụ: .....

CMND số: ..... ngày cấp ..... nơi cấp: .....

Theo giấy ủy quyền (nếu có) số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Tổng số tiền vay được duyệt: .....

Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này: .....

Số tiền nhận nợ lần này (đề nghị vay lần này): .....

Bằng chữ: .....

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: .....

Mục đích sử dụng tiền vay:

- .....

- .....

- .....

Hạn trả nợ cuối cùng.....

Lãi suất: ..... %/tháng, lãi suất nợ quá hạn: .....%/tháng.

**NGƯỜI VAY**

(Ký, ghi rõ họ tên,  
đóng dấu)

**CHI NHÁNH NH. ....**

**Cán bộ Tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200 ...

**THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN**

**Kính gửi:** .....

Căn cứ hợp đồng tín dụng số ..... ngày ... tháng ... năm 200 ..  
giữa Ngân hàng..... với khách hàng vay là .....

Chi nhánh NH ..... thông báo số tiền vay của .....  
..... tại Hợp đồng tín dụng trên đã chuyển sang tài khoản nợ quá hạn  
từ ngày ... tháng ... năm 200 ..

Số tiền bằng số: .....

(Bằng chữ: .....) )

Lý do chuyển nợ quá hạn: .....  
.....  
.....

Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn phải chịu lãi suất phạt ... %/ tháng trên tính trên  
số nợ gốc: .....

Yêu cầu ..... tìm mọi biện pháp sớm trả nợ số tiền nói trên. }

**GIÁM ĐỐC**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200 .....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA SAU KHI CHO VAY**

Họ và tên cán bộ kiểm tra: .....

Tên người vay: .....

Đã tiến hành kiểm tra sử dụng vốn vay theo hợp đồng tín dụng số .....  
ngày ... tháng ... năm 200 .., kết quả như sau:

**I. NỘI DUNG KIỂM TRA:**

**1. Mục đích sử dụng tiền vay**

.....  
.....  
.....

**2. Tình hình thực hiện dự án, phương án, khả năng trả nợ:**

.....  
.....  
.....

**3. Tài sản làm bảo đảm nợ:**

.....  
.....


**II. Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ KIỂM TRA**

.....  
.....

**III. Ý KIẾN CỦA NGƯỜI VAY**

.....  
.....  
.....

**Người vay**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ kiểm tra**   
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200 ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ**

**Kính gửi:** Chi nhánh Ngân hàng .....

Tên người vay: .....

Nợ vay NH số tiền: ..... tại HẾTD số: .....  
... ngày ... tháng ... năm 200 ..

Đã trả nợ được, số tiền gốc: ....., số tiền lãi: .....

Còn nợ gốc: ....., còn nợ lãi .....

Hạn phải trả vào ngày ... tháng ..... năm 20 .....

Lý do chậm trả:

.....  
.....

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội ..... gia hạn:

- Số nợ gốc đến ngày ... tháng ... năm 200 ..

- Số nợ lãi đến ngày ... tháng ... năm 200 ..

Chúng tôi xin cam kết trả đúng hạn trên.

**Người vay**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG**

**1. Ý kiến của cán bộ tín dụng:**

Qua xem xét thực tế và nội dung trình bày trong giấy đề nghị gia hạn nợ của ...  
..... tôi thấy nguyên nhân khách hàng không trả được nợ là do:

.....  
.....

Đề nghị cho gia hạn/Không cho gia hạn:

- Số tiền gốc ..... thời hạn: .... tháng; hạn trả cuối cùng vào ngày ..  
.. tháng ... năm 20 ..

- Số tiền lãi ..... thời hạn: .... tháng; hạn trả cuối cùng vào ngày ..  
.. tháng ... năm 20 ..

**Cán bộ tín dụng**  
(ký và ghi rõ họ tên)

## 2. Ý kiến của phòng tín dụng:

Qua xem xét thực tế và nội dung trình bày trong giấy đề nghị gia hạn nợ của . . .  
. . . . . và ý kiến của cán bộ tín dụng, tôi đồng ý/không đồng ý.

- Đề nghị Giám đốc cho gia hạn/không cho gia hạn.

- Số tiền gia hạn: + Gốc . . . . . thời gian cho gia hạn: . . . . . tháng; hạn  
trả cuối cùng vào ngày . . . tháng . . . năm 20 . .

+ Lãi . . . . . thời gian cho gia hạn: . . . . . tháng; hạn trả ~~l~~  
cuối cùng vào ngày . . . tháng . . . năm 20 . .

**Trưởng phòng tín dụng**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC**

Ngày . . . tháng . . . năm 20 . .

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 200 ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ**

**Kính gửi:** Chi nhánh Ngân hàng .....

Tên người vay: .....

Đã vay NH: ..... Số tiền: .....

(Bằng chữ: .....) )


Theo hợp đồng tín dụng số..... ngày ... tháng ... năm 20... .

Theo phân kỳ, ngày ... tháng ... năm 200... Số tiền đến hạn trả nợ gốc là: .....  
.. đến nay chúng tôi chưa trả được nợ ngân hàng, vì lý do:

- .....
- .....
- .....

Đề nghị chi nhánh ..... cho chúng tôi được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, như sau:

Kỳ hạn nợ theo cam kết		Đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mới	
Ngày, tháng	Số tiền gốc	Ngày, tháng	Số tiền gốc

**Người vay**   
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)